CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

Ngày 28/06/2024	7,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**4.0%**	**13.2%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,105 - 9,680
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	557
Số lượng CPLH (CP)	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	49,630
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.37
EPS	552
P/E	14.1

DT thuần
Q2/24
507
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.0| 7.0%
YoY: ▼73.0| -12.5%

LN thuần
Q2/24
11.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.0| 567%
YoY: ▼15.7| -57.8%

LN sau thuế
Q2/24
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0| 290%
YoY: ▼11.4| -52.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
7.0%
YoY: +/-▲ 2.5%

ROE (TTM)
Q2/24
4.4%
YoY: +/-▼ 1.4%

DT thuần
6T 2024
982
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 167| 20.5%

LN thuần
6T 2024
9.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.4| -65.8%

LN sau thuế
6T 2024
4.98
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.12| -64.7%

Cơ cấu sở hữu

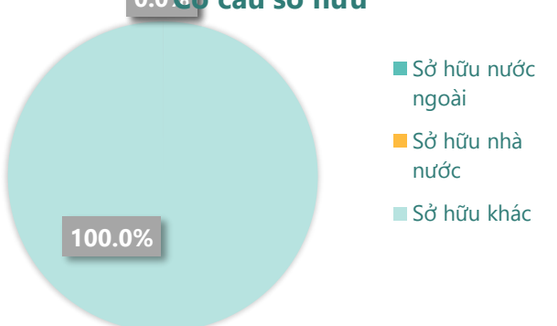

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

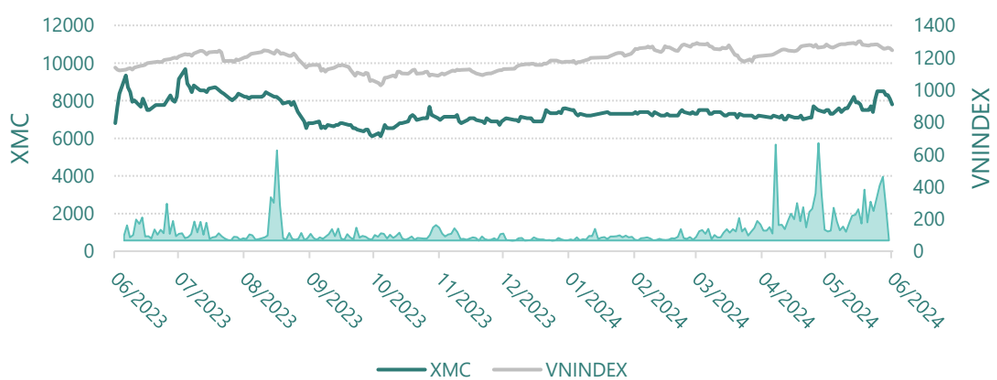

Cơ cấu cổ đông

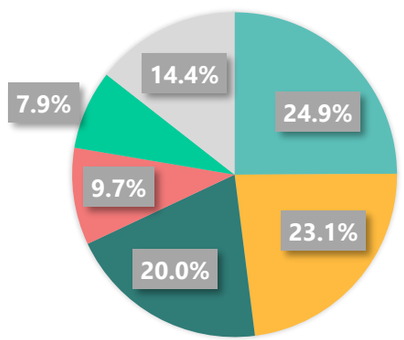

- Nguyễn Minh Trang
- Đinh Thị Thanh Hà (Thành viên HĐQT)
- Bùi Khắc Sơn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Phương Lan
- Nguyễn Thị Thu Huyền
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

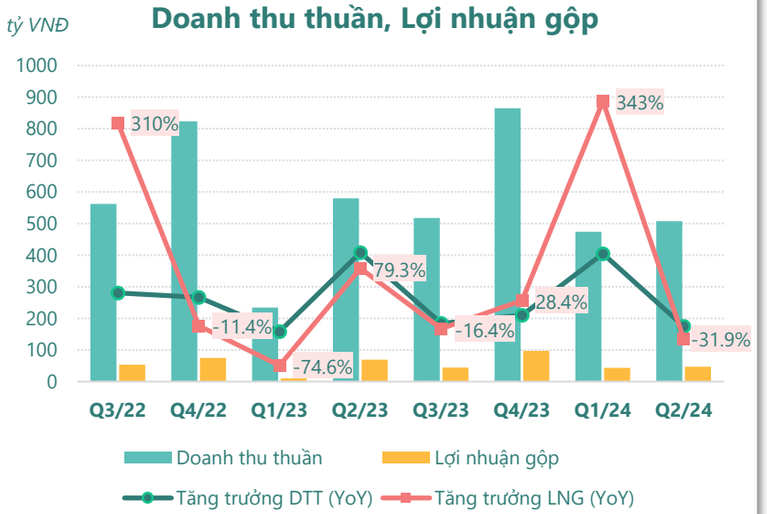

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

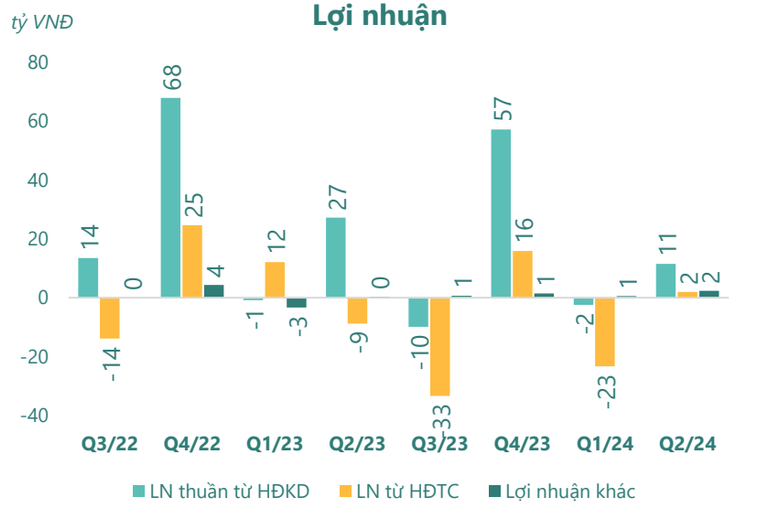

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

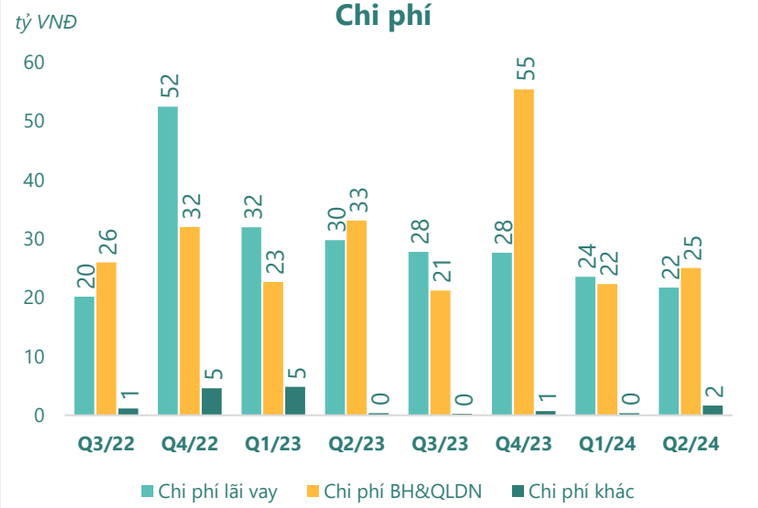

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

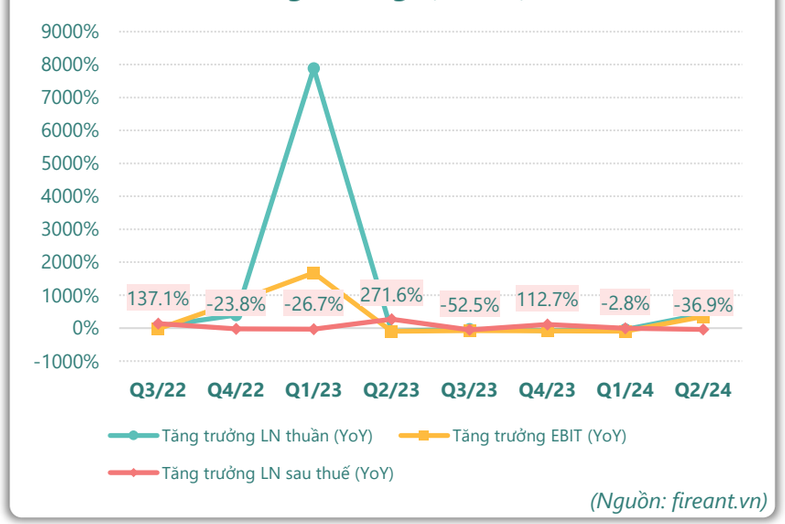

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

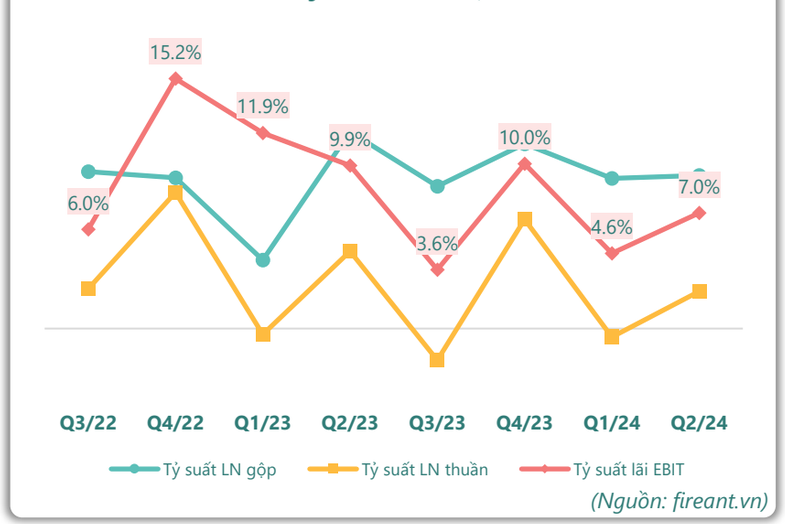

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

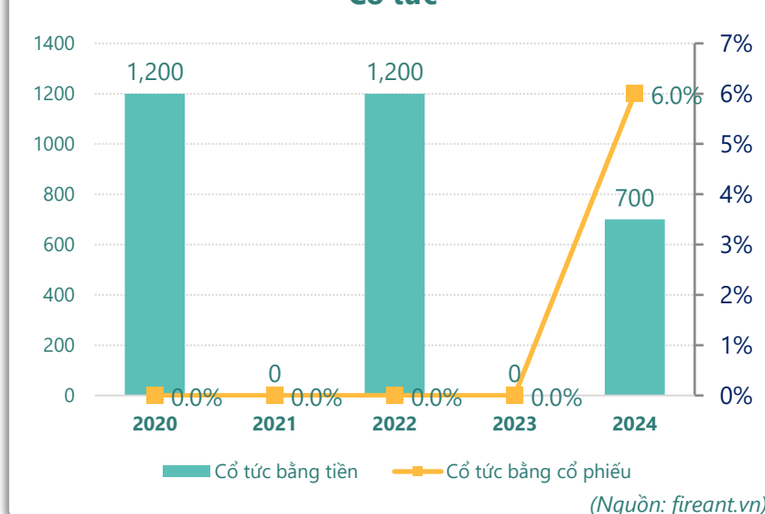

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

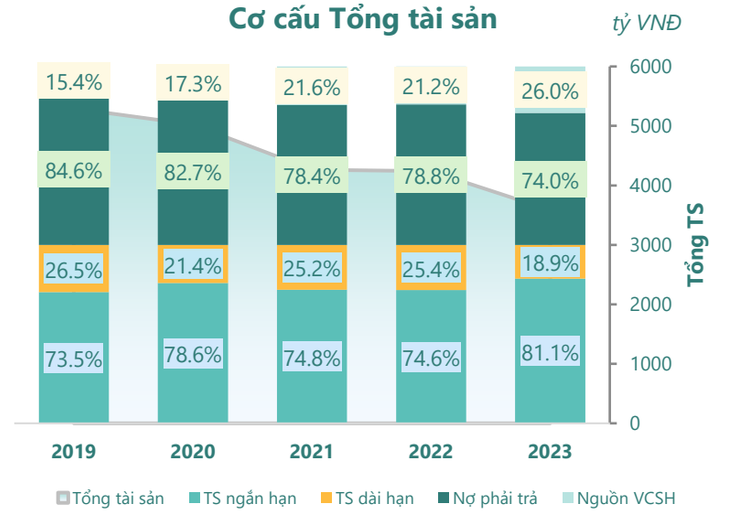

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

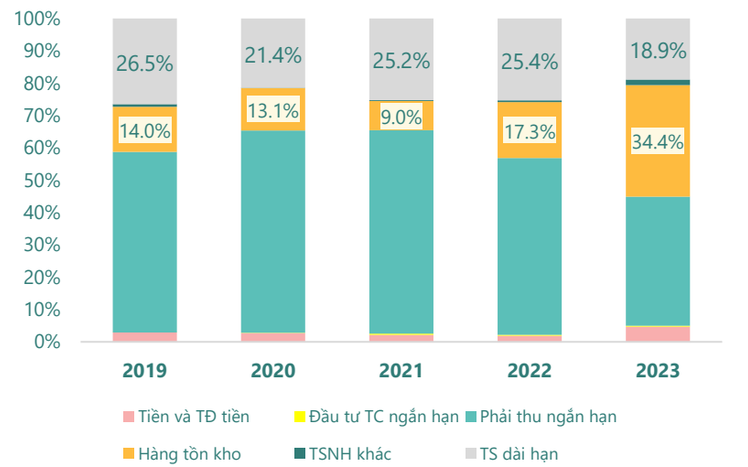

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

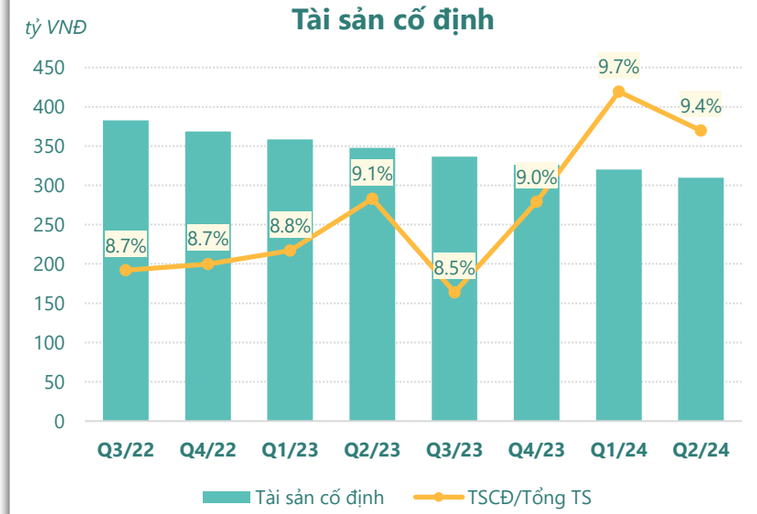

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

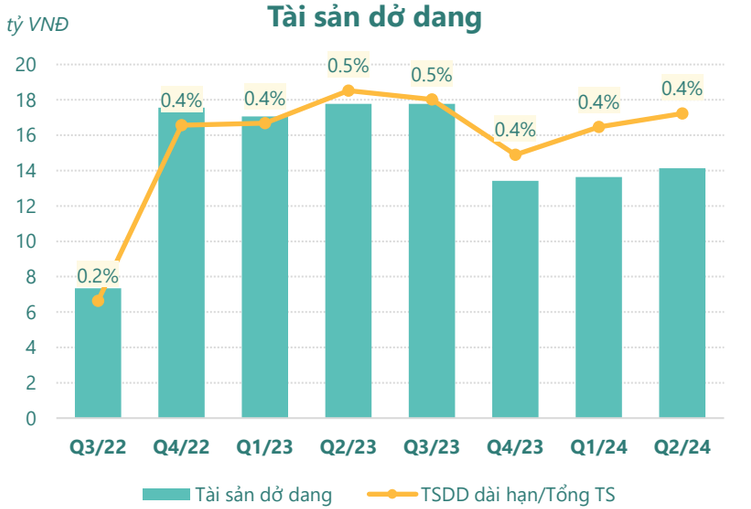

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

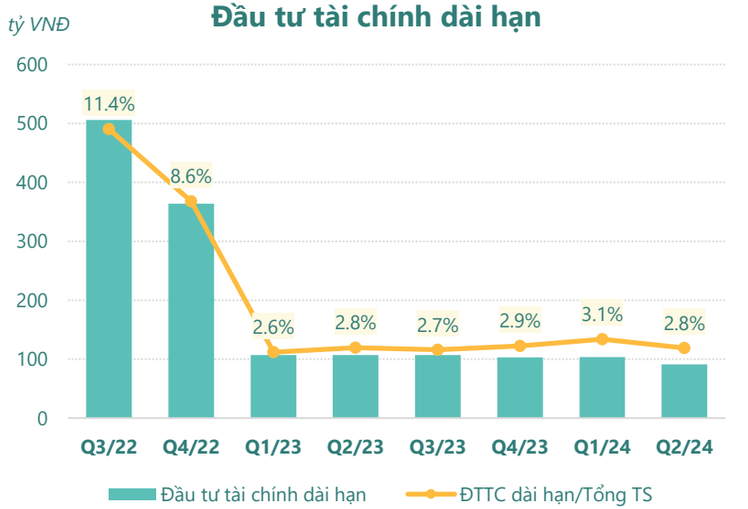

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

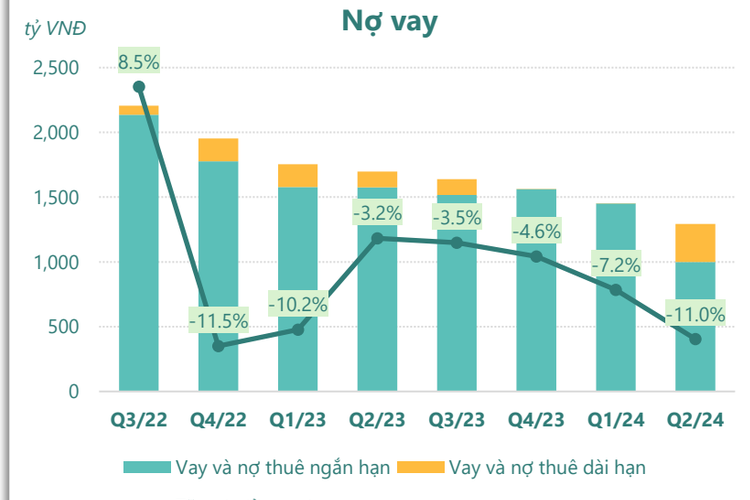

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

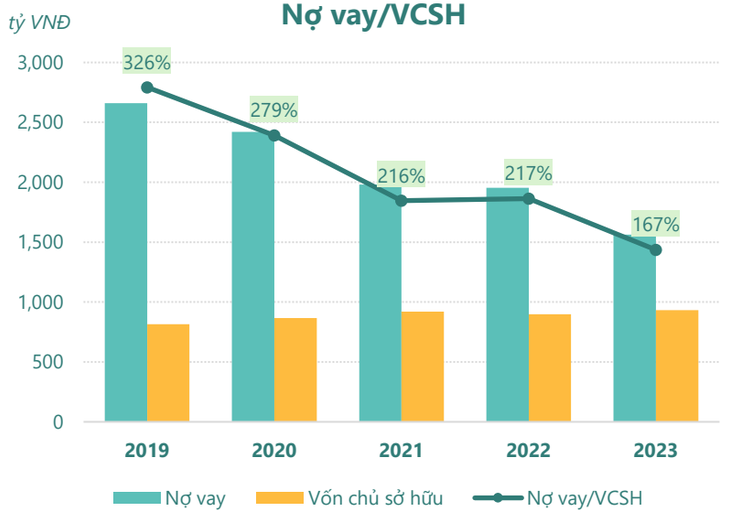

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

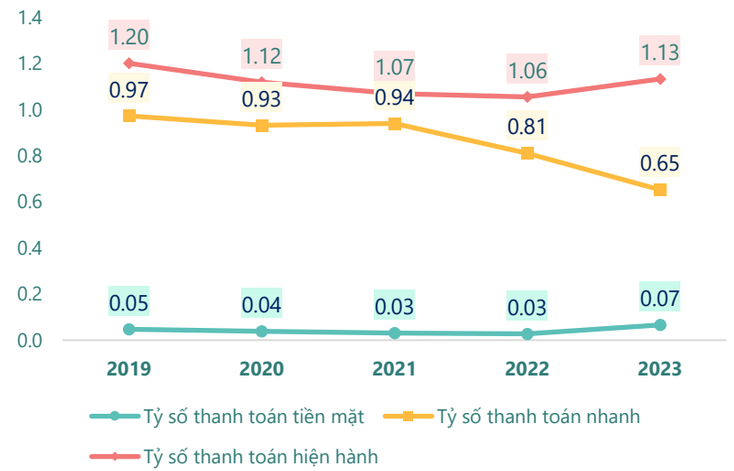

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

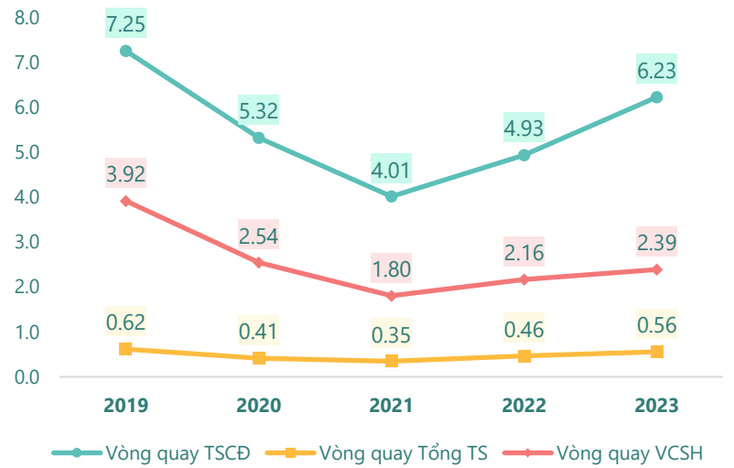

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

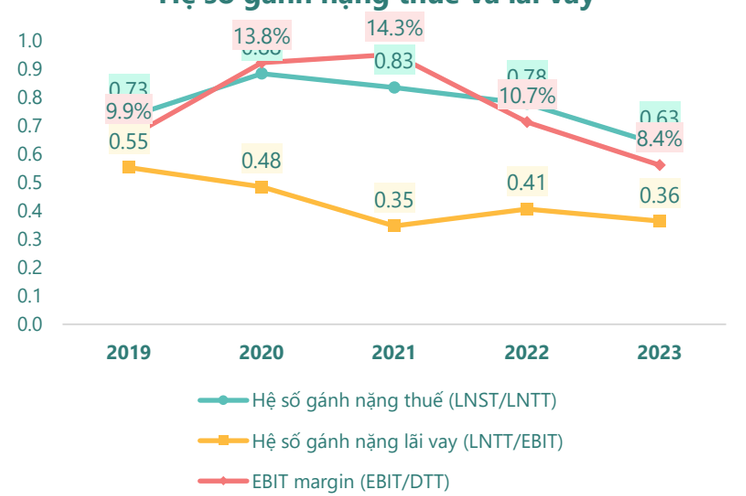

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

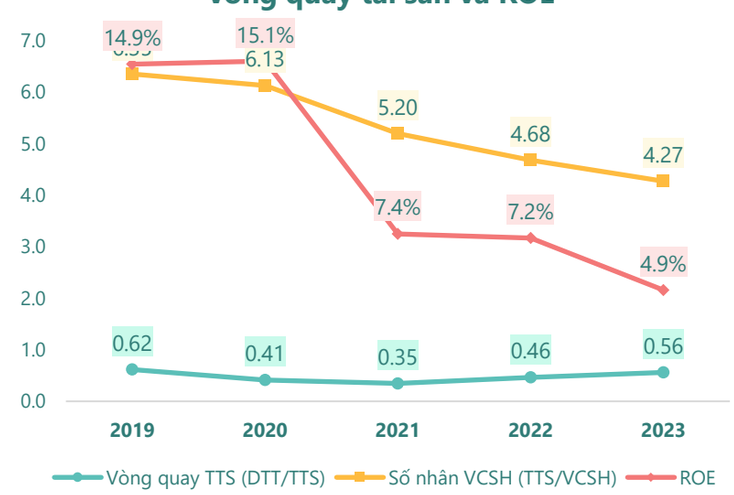

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

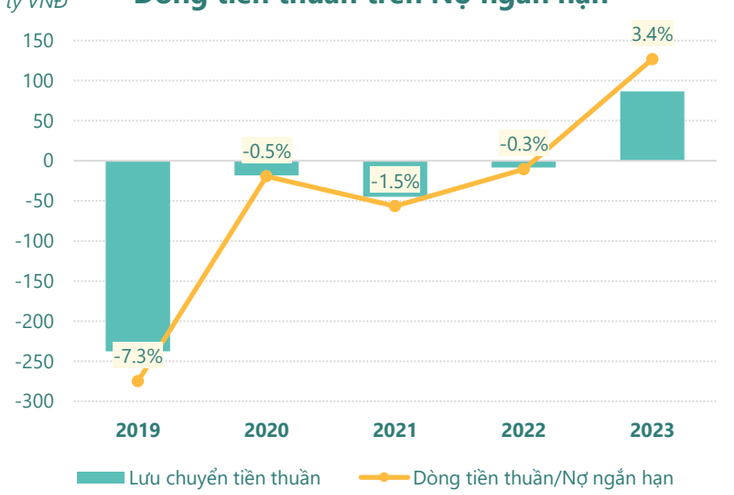

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**507**	**580**	**-12.5%**	**982**	**815**	**20.5%**
Giá vốn hàng bán	460	511	-9.9%	891	736	21.2%
Lợi nhuận gộp	47.1	69.2	-31.9%	90.3	78.9	14.4%
Doanh thu HĐTC	23.7	20.9	13.6%	24.0	65.0	-63.0%
Chi phí TC	21.8	29.8	-26.8%	45.4	61.7	-26.5%
Chi phí lãi vay	21.7	29.8	-27.1%	45.3	61.7	-26.6%
LN trong công ty LKLD	**-12.5**	**0.00**		**-12.5**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.69	1.13	-38.6%	1.28	1.58	-18.9%
Chi phí QLDN	**24.3**	**32.0**	**-23.9%**	**46.1**	**54.2**	**-15.0%**
LN thuần từ HĐKD	11.5	27.2	-57.8%	9.02	26.4	-65.8%
Lợi nhuận khác	**2.37**	**0.40**	**492%**	**2.87**	**-2.92**	**198%**
LN trước thuế	13.8	27.6	-49.8%	11.9	23.5	-49.3%
Lợi nhuận sau thuế	**10.5**	**21.9**	**-52.1%**	**4.98**	**14.1**	**-64.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.1**	**21.9**	**-54.0%**	**4.81**	**14.4**	**-66.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	73.4	-165	23.9	63.9	47.7	292
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	262	154	0.09	75.8	0.13	24.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-208	-59.9	-48.3	-75.3	-160	-159
Tiền đầu kỳ	82.4	210	138	114	169	56.4
Lưu chuyển tiền thuần	**127**	**-71.5**	**-24.3**	**64.3**	**-113**	**158**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	210	138	114	178	56.4	215

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,280**	**3,584**	**-8.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,638	2,906	-9.2%
Tiền và tương đương tiền	215	169	26.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.0	10.0	19.9%
Phải thu ngắn hạn	1,348	1,431	-5.8%
Hàng tồn kho	1,036	1,234	-16.1%
Tài sản ngắn hạn khác	27.5	62.6	-56.1%
Tài sản dài hạn	**641**	**677**	**-5.3%**
Phải thu dài hạn	16.1	19.1	-16.0%
Tài sản cố định	310	328	-5.6%
Bất động sản đầu tư	205	208	-1.2%
Tài sản dở dang	14.1	13.5	4.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	91.0	103	-12.1%
Tài sản dài hạn khác	**5.42**	**5.58**	**-2.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,391	2,651	-9.8%
Nợ ngắn hạn	**2,016**	**2,564**	**-21.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,000	1,562	-36.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	544	649	-16.3%
Nợ dài hạn	375	86.6	333%
Vay và nợ thuê dài hạn	293	0.79	36768%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**889**	**933**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**889**	**933**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	714	674	6.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)